TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẤN YÊN - TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 9 - 2024
V/v: Ly hôn và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẤN YÊN,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mai Thu;

2. Ông Nguyễn Đức Khâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 23-01-2024 về việc ly hôn, thụ lý vụ án bổ sung số: 12a/2024/TLST-HNGĐ ngày 28-3-2024 về chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15-8-2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Hùng C, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (Vắng mặt không có lý do).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Vũ Hồng Q, sinh năm 1991.

+ Chị Vũ Thị Ph, sinh năm 1985.

+ Anh Vũ Hùng M, snh năm 1987.

+ Chị Hà Thị Thu Tr, sinh năm 1994.

+ Anh Đỗ Văn M1, sinh năm 1962.

+ Chị Đỗ Hoàng Y, sinh năm 1978.

+ Chị Đỗ Thị O, sinh năm 1970.

+ Chị Đỗ Thị Y1, sinh năm 1975.

+ Bà Ngô Thị Luyên.

+ Cụ Trần Thị X, sinh năm 1944.

Đều trú tại: Thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Đỗ Văn Kh, sinh năm 1972.

+ Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1972.

Đều trú tại: Tổ 7, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái

+Anh Đỗ Quốc Kh1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 7, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Vũ Hùng M, chị Hà Thị Thu Tr là anh Vũ Hồng Q.

Người có quyền lợi liên quan và người đại diện theo ủy quyền đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-12-2023, biên bản lấy lời khai ngày 20-5-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Hùng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 20-02-1984. Sau khi hết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng khoảng 01 năm thì ra ở riêng cũng tại địa chỉ thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm của hai vợ chồng khác nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau. Bản thân ông đã khuyên bảo nhiều lần nhưng bà L không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông bà cũng đã sống ly thân nhiều năm nay. Đến nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho ông và bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị L có ba con chung là Vũ Thị Ph, sinh năm 1985, Vũ Hùng M, sinh năm 1987 và Vũ Hồng Q, sinh năm 1991. Hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông xác định ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 28-02-2024, đơn yêu cầu phản tố đề ngày 04-3-2024, đơn khởi kiện đề ngày 04-3-2024, biên bản lấy lời khai ngày 16-4-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Hùng C kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Khánh, huyện Trấn

Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 20-02-1984. Sau khi hết hôn, vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng khoảng 01 năm thì ra ở riêng cũng tại địa chỉ thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm của hai vợ chồng khác nhau, chồng không tôn trọng vợ, độc đoán trong quản lý kinh tế gia đình, thiếu trách nhiệm trong cuộc sống chung. Mặc dù, bà đã chịu đựng và khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông Vũ Hùng C không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu ông C đề nghị ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng xong mới đồng ý ly hôn với ông Vũ Hùng C.

Về con chung: Bà và ông Vũ Hùng C có ba con chung là Vũ Thị Ph, sinh năm 1985, Vũ Hùng M, sinh năm 1987 và Vũ Hồng Q, sinh năm 1991. Hiện nay các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xác định tài sản chung của hộ gia đình (bà xác định hộ gia đình gồm ông C, bà, con trai Vũ Hồng Q, con dâu Hà Thị Thu Tr), có tài sản như sau:

- 01 nhà xây cấp 4 (diện tích sàn 120m2), xây dựng trên diện tích đất ở 280m2 tại thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã được UBND huyện Trấn Yên cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AB382422 (vào số sổ CH 00087) ngày 11-3-2010. Đứng tên hộ ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L.

- 01 Diện tích đất ở 280m2 tại thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã được UBND huyện Trấn Yên cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AB382422 (vào số sổ CH 00087) ngày 11-3-2010. Đứng tên hộ ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L.

- 01 thửa đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 36m2 tại thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã được UBND huyện Trấn Yên cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BA 382424 (vào sổ số CH 00088) ngày 01-3-2010. Đứng tên hộ ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L.

- Phần diện tích đất trồng cây lâu năm khoảng 1543,6m2 phía sau đất ở chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ hiện đang được quản lý và sử dụng bởi hộ ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L.

- Và toàn bộ tài sản khác gắn liền trên đất (03 nhà mộc kỹ; 09 cây lâu năm: mít, khế, ổi, bưởi; chuồng gà, bể phốt, nhà bếp cấp 4, nhà tắm, giếng nước, sân bê tông, cổng và tường rào)

Về nguồn gốc thổ cư: Năm 1985, vợ chồng bà ra ở riêng được bố mẹ chồng cho vợ chồng bà 01 diện tích đất khoảng 50m2, sau đó vợ chồng khai phá và mua thêm. Đến năm 2010, vợ chồng bà làm giấy đăng ký QSDĐ và được nhà nước cấp cho đối với diện tích 280m2 (mang tên hộ ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L). Thời điểm đó, ba con chung còn nhỏ không có công sức đóng góp gì vào tài sản

đất thổ cư của vợ chồng bà.

Về nguồn gốc đất trồng cây hàng năm 36m2 do vợ chồng bà tự khai phá, đến năm 2010, vợ chồng bà làm giấy đăng ký QSDĐ và được nhà nước cấp cho đối với diện tích 36m2 (mang tên hộ ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L). Thời điểm cấp đất, các con còn nhỏ không có công sức đóng góp.

Phần diện tích đất trồng cây lâu năm khoảng 1543,6m2 đất chúng tôi mua của ông Đỗ Huỳnh Nh, bà Trần Thị X, ông Đô Văn Kh và cả gia đình khai phá thêm. Trong thời kỳ này, con trai anh là Vũ Hồng Q đã kết hôn, vợ chồng cháu có đóng góp công sức trong việc khai phá diện tích đất này.

Đối với 01 nhà xây cấp 4 (diện tích sàn 120m2), xây dựng trên diện tích đất ở 280m2 tại thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái được xây dựng năm 2019; nhà bếp cấp 4; chuồng gà; bể phốt; nhà tắm; giếng nước; sân bê tông; cổng; tường rào; 09 cây lâu năm là do hai vợ chồng bà cùng con trai Vũ Hồng Q và con dâu Hà Thị Thu Tr cùng nhau đóng góp công sức, tiền bạc xây dựng nên.

Đầu năm 2023, bà đã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn giữa bà và ông C, đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Đến nay, bà thống nhất lấy kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 13-7-2023 để giải quyết tiếp trong vụ án này, tại Biên bản định giá xác định tài sản chung của ông bà có tổng giá trị là 976.628.800 đồng.

Vì vậy khi vợ chồng bà ly hôn, bà đề nghị chia phần công sức đóng góp của vợ chồng cháu Q, Tr vào khối tài sản chung.

Tỷ lệ chia như sau:

Đề nghị bà được hưởng 50%, ông C 50% giá trị đối với những tài sản sau:

- Đối với 01 Diện tích đất ở 280m2 tại thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã được UBND huyện Trấn Yên cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AB382422 (vào số sổ CH 00087) ngày 11-3-2010. Đứng tên hộ ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L.

- 01 thửa đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 36 m2 tại thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã được UBND huyện Trấn Yên cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BA 382424 (vào sổ số CH 00088) ngày 01-3-2010. Đứng tên hộ ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L.

- 03 nhà mộc kỹ.

Đề nghị bà được hưởng 30%, ông C 30%, anh Q 30%, chị Tr 10% giá trị đối với những tài sản sau:

- 01 nhà xây cấp 4 (diện tích sàn 120m2), xây dựng trên diện tích đất ở 280m2 tại thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã được UBND huyện Trấn Yên cấp giấy chứng nhận QSDĐ số AB382422 (vào số sổ CH 00087) ngày 11-3-2010. Đứng tên hộ ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L.

- Phần diện tích đất trồng cây lâu năm khoảng 1543,6m2 phía sau đất ở chưa

được cấp giấy chứng nhận QSDĐ hiện đang được quản lý và sử dụng bởi hộ ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L.

- Và toàn bộ tài sản khác gắn liền trên đất (09 cây lâu năm: mít, khế, ổi, bưởi; chuồng gà, bể phốt, nhà bếp cấp 4, nhà tắm, giếng nước, sân bê tông, cổng và tường rào)

Bà có nguyện vọng được giao sở hữu ngôi nhà cấp 4, bà sẽ thanh toán giá trị chênh lệch cho ông C, vì bà cần có chỗ ở để đảm bảo ổn định cuộc sống.

Các vật dụng sinh hoạt khác trong gia đình, vợ chồng ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 12-4-2024, biên bản lấy lời khai ngày 17-4-2024, đơn yêu cầu độc lập đề ngày 13-6-2024, quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Hồng Q, chị Hà Thị Thu Tr trình bày:

Anh là con chung của ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L. Anh và chị Hà Thị Thu Tr kết hôn năm 2014, sau khi kết hôn đến nay, anh và vợ anh là Hà Thị Thu Tr cùng chung sống ông C bà L tại Thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Từ năm 2014 đến năm 2022, hai vợ chồng đều sống cùng ông bà C L và là lao động chính trong gia đình trực tiếp tham gia vào quá trình kinh doanh dịch vụ đám cưới ở địa phương để tạo ra nguồn thu nhập chính cho gia đình. Toàn bộ nguồn thu nhập này do ông Vũ Hùng C (là bố anh) là người trực tiếp quản lý, chi tiêu mua sắm tài sản phục vụ cuộc sống sinh hoạt gia đình. Trong những năm đó, vợ chồng anh không nhận được tiền công lao động nào do ông Vũ Hùng C (là bố anh) trả. Bằng nguồn thu nhập từ việc kinh doanh, ông Vũ Hùng C đã thay mặt gia đình thực hiện các việc mua sắm các tài sản gia đình, nên anh xác định anh và vợ anh có công sức đóng góp vào các tài sản của hộ gia đình như sau:

Phần diện tích đất trồng cây lâu năm khoảng 1543,6m2 đất bố mẹ anh mua của ông Đỗ Huỳnh Nh, bà Trần Thị X, ông Đô Văn Kh và cả gia đình khai phá thêm. Trong thời kỳ này, vợ chồng anh đã kết hôn, có đóng góp công sức trong việc khai phá và mua diện tích đất này.

Đối với 01 nhà xây cấp 4 (diện tích sàn 120m2), xây dựng trên diện tích đất ở 280m2 tại thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái được xây dựng năm 2019 là do hai vợ chồng anh và bố mẹ anh cùng nhau đóng góp công sức, tiền bạc xây dựng nên.

Và toàn bộ tài sản khác gắn liền trên đất (09 cây lâu năm: mít, khế, ổi, bưởi; chuồng gà, bể phốt, nhà bếp cấp 4, nhà tắm, giếng nước, sân bê tông, cổng và tường rào) là do hai vợ chồng anh và bố mẹ anh cùng nhau đóng góp công sức, tiền bạc xây dựng nên.

Cụ thể, anh và vợ anh đóng góp vào khối tài sản chung của hộ gia đình bằng ngày công đi làm hằng ngày như sau: sau khi kết hôn, vợ chồng anh cùng bố mẹ là ông C, bà L đi làm dịch vụ cưới hỏi tại xã Hưng Khánh, vợ chồng anh làm cho

ông C hằng ngày, nhưng không được trả lương, ông C nắm giữ toàn bộ kinh tế gia đình, các hoạt động kinh doanh đều do ông C nắm giữ, không thanh toán cho chúng tôi bất kỳ khoản tiền lương nào.

Vì vậy khi bố mẹ anh ly hôn, anh đề nghị chia phần công sức đóng góp của vợ chồng anh vào khối tài sản chung gồm có nhà xây cấp 4, khoảng 1543,6m2 đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản khác gắn liền trên đất (09 cây lâu năm: mít, khế, ổi, bưởi; chuồng gà, bể phốt, nhà bếp cấp 4, nhà tắm, giếng nước, sân bê tông, cổng và tường rào) là do hai vợ chồng anh và bố mẹ anh cùng nhau đóng góp công sức, tiền bạc xây dựng nên. Anh đề nghị chia cho anh 30% và vợ anh (Hà Thị Thu Tr) 10% trên số tài sản anh và vợ anh đóng góp công sức trong khôi tài sản chung của bố mẹ anh và anh đã liệt kê trên.

Các vật dụng sinh hoạt khác trong gia đình chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Các tài sản khác của bố mẹ anh trước năm 2013 anh không có đóng góp gì nên không yêu cầu được chia đối với số tài sản này.

Tại bản tự khai đề ngày 20-5-2024 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Ph trình bày:

Chị là con chung của ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L. Từ năm 2003, chị đã nghỉ học và bắt đầu tham gia lao động kiếm sống. Tuy nhiên do xây dựng gia đình sống riêng từ sớm nên trong những năm qua không có đóng góp gì đáng kể vào khối tài sản chung của gia đình. Chị xác định chị không có liên quan gì đến khối tài sản chung của bà L và ông C. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chia tài sản chung cho bố mẹ chị và vợ chồng em trai chị theo quy đinh của pháp luật. Chị đề nghị được giải quyết vắng mặt chị.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 5 năm 2024 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Hùng M trình bày:

Anh là con chung của ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L. Từ năm 2005, anh đã nghỉ học và bắt đầu tham gia lao động kiếm sống. Tuy nhiên do xây dựng gia đình sống riêng từ sớm nên trong những năm qua không có đóng góp gì đáng kể vào khối tài sản chung của gia đình. Anh xác định không có liên quan gì đến khối tài sản chung của bà L và ông C. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chia tài sản chung cho bố mẹ anh và vợ chồng em trai anh theo quy đinh của pháp luật. Anh đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai đề ngày 01-7-2024, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn M1, anh Đỗ Văn Kh, anh Đỗ Quốc Kh1, chị Đỗ Hoàng Y, chị Đỗ Thị O, chị Đỗ Thị Y1 trình bày:

Các anh chị là con của ông Đỗ Huỳnh Nh và bà Trần Thị X. Gia đình các anh chị có các thửa đất lúa, tổng diện tích 518m^2 tại thôn 10 (nay là thôn Đát Quang), xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã được UBND huyện

Trấn Yên cấp Giấy chứng nhận QSD đất số R520128 ngày 26-12-2000.

Sau khi ông Đỗ Huỳnh Nh là cha của các anh chị mất, gia đình không có nhu cầu sử dụng ngày 20-9-2019 mẹ đẻ là bà Trần Thị X đã bán cho hộ gia đình ông Vũ Hùng C, các anh chị đã biết rõ sự việc và đồng ý, cam kết không có bất kỳ khiếu kiện gì về sau đối với việc mua bán đất lúa này.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 08-7-2024, bà Nguyễn Thị L có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn và anh Vũ Hồng Q có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập của mình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 218 Điều 227, Điều 228, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Hùng C được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

- Về chia tài sản: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

- Về án phí:Ông Vũ Hùng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L được trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn ông Vũ Hùng C có đơn khởi kiện về việc ly hôn với bà Nguyễn Thị L, nơi cư trú: Thôn Đát Quang, xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Hồng Q, chị Hà Thị Thu Tr, chị Vũ Thị Ph, anh Vũ Hùng M, anh Đỗ Văn M1, anh Đỗ Văn Kh, anh Đỗ Quốc Kh1, chị Đỗ Hoàng Y, chị Đỗ Thị O, chị Đỗ Thị Y1, chị Trịnh Thị H và bà Trần Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái vào ngày 20-02-1984 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không tôn trọng nhau. Mặc dù, đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thể cải thiện được nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến nay, ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông C làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L, bà L không đồng ý ly hôn do vợ chồng còn tranh chấp về chia tài sản. Tại phiên toà, ông Vũ Hùng C vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị L. Như vậy Hội đồng xét xử xác định tình cảm vợ chồng trong hôn nhân của ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Lý do không đồng ý ly hôn của bà L là không chính đáng. Do đó, có căn cứ xử cho ông Vũ Hùng C được ly hôn bà Nguyễn Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L có ba con chung là Vũ Thị Ph, sinh năm 1985, Vũ Hùng M, sinh năm 1987 và Vũ Hồng Q, sinh năm 1991. Hiện nay các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung: Ông Vũ Hùng C không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung khi ly hôn.

Ngày 13-5-2024 bà Nguyễn Thị L có đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Ngày 08-7-2024, bà Nguyễn Thị L có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn của bà Loan.

Ngày 13 Tháng 6 năm 2024 anh Vũ Hồng Q và chị Hà Thị Thu Tr có đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung của hộ gia đình ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L. Tòa án ra thông báo cho người có quyền lợi liên quan có yêu cầu độc lập nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản. Quá thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự anh Vũ Hồng Q và chị Hà Thị Thu Tr không nộp tiền tạm úng án phí chia tài sản. Ngày 08-7-2024 anh Vũ Hồng Q, chị Hà Thị Thu Tr có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu độc lập chia tài sản chung của anh chị.

[3] Những người có quyền lợi liên quan chị Vũ Thị Ph, anh Vũ Hùng M, anh Đỗ Văn M, anh Đỗ Văn Kh, anh Đỗ Quốc Kh1, chị Đỗ Hoàng Y, chị Đỗ Thị O, chị Đỗ Thị Y1, chị Trịnh Thị H và bà Trần Thị X không có ý kiến gì về phần quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án này, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Vũ Hùng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan anh Vũ Hồng Q và chị Hà Thị Thu Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Đề nghị của Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Trấn Yên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Hùng C được ly hôn bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Ông Vũ Hùng C và bà Nguyễn Thị L có ba con chung là Vũ Thị Ph, sinh năm 1985, Vũ Hùng M, sinh năm 1987 và Vũ Hồng Q, sinh năm 1991. Hiện nay các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn của bà Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Hồng Q và chị Hà Thị Thu Tr không nộp tiền tạm úng án phí chia tài sản. Ngày 08-7-2024 anh Vũ Hồng Q, chị Hà Thị Thu Tr có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với yêu cầu độc lập chia tài sản chung của anh chị.

4. Về án phí: Ông Vũ Hùng C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng tại Biên lai số AA/2023/0001433 ngày 23-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trấn Yên. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản khi ly hôn, bà được trả lại 9.500.000 đồng (chín triệu

năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001498 ngày 27-3-2024.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi liên quan (chị Vũ Thị Ph, anh Vũ Hùng M, anh Đỗ Văn M, anh Đỗ Văn Kh, anh Đỗ Quốc Kh1, chị Đỗ Hoàng Y, chị Đỗ Thị O, chị Đỗ Thị Y1, chị Trịnh Thị H và bà Trần Thị X) có quyền kháng cáo bản án phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND xã Hưng Khánh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh